

Bản án số: 195/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Huy

2. Bà Lưu Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Tú – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5
- Hà Nội, thành phố Hà Nội

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà
Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội) về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị N T H, sinh năm 1989; Nơi thường trú: Số y, ngõ x, đường Y, xã P, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh N Q T, sinh năm 1991; Nơi thường trú: Số y, ngõ x, đường Y, xã P, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị N T H trình bày tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 19/05/2025, bản tự khai ngày 20/5/2025, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13/8/2025 yêu cầu được ly hôn với anh N Q T với nội dung như sau: Chị N T H kết hôn với anh N Q T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y - nay là xã P, thành phố Hà Nội ngày 21 tháng 12 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm đầu rồi bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, lối sống, không thể tìm tiếng nói chung, chồng thường xuyên bạo lực gia đình. Chúng tôi chung sống đến năm 2021 thì ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và sinh lý. Dù gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, vợ chồng không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, chúng tôi không còn quan tâm tới cuộc sống riêng của nhau nữa. Tôi nhận thấy không còn tình cảm với anh T, mong muốn được chấm dứt mối quan hệ

này để ổn định tâm lý, chăm sóc con cái. Do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T. Quá trình chung sống, chúng tôi chỉ có 01 con chung là cháu N Q T1 sinh ngày 14/6/2015, hiện đang ở với tôi. Khi ly hôn, tôi xin nuôi con và không yêu cầu đóng góp nuôi con. Do tôi đang làm việc tự do không có thông tin thu nhập để cung cấp cho Tòa án. Tôi đang thuê nhà ở và nuôi con từ khi ly thân đến nay vẫn đảm bảo nuôi dưỡng và chăm sóc con. Vợ chồng tôi không có tài sản chung có giá trị, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chúng tôi không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh N Q T: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo lời khai của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ nhưng không đến Tòa làm việc, không có lời khai về nội dung vụ việc và ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn T T là mẹ ruột của anh N Q T trình bày: Thừa nhận việc kết hôn giữa anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y. Quá trình vợ chồng anh T chị H chung sống có mâu thuẫn nhưng bà T không biết nguyên nhân mâu thuẫn. Bà T đồng ý để chị H ly hôn với anh T vì đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H nhưng không thành. Bà T thừa nhận chị H và anh T có 01 con chung là N Q T1, đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuấn khi ly hôn. Bà T khẳng định chị H và anh T không có tài sản chung, không biết việc chị H và anh T có nợ chung hay không. Bà T đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và giao lại cho anh T theo cam kết với Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị H vẫn giữ nguyên lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và trình bày bổ sung: Chị H và anh T chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hai năm thì anh T nghiện ma túy, dần tới thường xuyên bạo hành chị H, đến khoảng năm 2020 thì mẹ anh T cho anh T đi cai nghiện ma túy tự nguyện và điều trị kéo dài thì vợ chồng ly thân từ đó. Chị H sống cùng mẹ anh T cho đến đầu năm 2025, anh T trở về và đuổi chị H ra khỏi nhà. Chị H và con chuyển ra ngoài thuê nhà sinh sống từ đó, không sống cùng với anh T nữa. Chị H vẫn giữ nguyên nguyện vọng được ly hôn với anh T, đề nghị được nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, xác nhận vợ chồng không có nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu nào khác.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lời trình bày về nội dung vụ án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được ly hôn anh T; về con chung đề nghị giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị H không yêu cầu giải quyết; tài sản chung, công nợ không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị N T H yêu cầu ly hôn với anh N Q T có nơi cư trú tại Số y, ngõ x, đường Y, xã P, thành phố Hà Nội nên căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa mở lần thứ hai, bị đơn anh N Q T vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Về giá trị pháp lý của việc kết hôn: Chị N T H kết hôn với anh N Q T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND - nay là xã P, thành phố Hà Nội ngày 21 tháng 12 năm 2016 tại nơi cư trú của anh N Q T là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch nên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn giữa chị N T H và anh N Q T có giá trị pháp lý, là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quyền yêu cầu ly hôn của chị H: Chị H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là thực hiện quyền quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Chị H trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, không thể tìm được tiếng nói chung, chồng thường xuyên bạo lực gia đình. Vợ chồng ly thân, chấm dứt hoàn toàn quan hệ sinh lý từ khoảng năm 2020, đến đầu năm 2025 do anh T đuổi nên chị H đã chuyển ra ngoài sống, không còn chung sống với anh T từ đó đến nay. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày, chị H không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình có căn cứ. Anh T không có lời khai, không đến Tòa để trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của chị H tại Tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không có mặt, chị H kiên quyết ly hôn, đề nghị không tiến hành hòa giải đoàn tụ. Mẹ của anh T cũng xác nhận chị H và anh T có mâu thuẫn, bà đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H nhưng không thành, đồng ý để chị H ly hôn với anh T. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bản thân chị H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc anh T, không mong muốn

chung sống với anh T; bản thân anh T không có hành động để cải thiện và hàn gắn tình cảm vợ chồng trước và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, xác định chị H và anh T cùng vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Việc vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình dẫn tới hôn nhân của chị N T H và anh N Q T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, biểu hiện là “*không có tình nghĩa vợ chồng...*” theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do đó, cần xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung vợ chồng: Cháu N Q T1 sinh ngày 14/6/2015 trước thời điểm anh T và chị H đăng ký kết hôn nhưng đã được đăng ký khai sinh tại UBND xã Y ngày 14/02/2017 có họ tên bố là N Q T, mẹ là Nguyễn Thị Hà nên là con chung của anh T và chị H theo quy định tại Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con N Q T1 kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến thời điểm xét xử và mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn; bản thân cháu N Q T1 có nguyện vọng được ở với mẹ; anh T không trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn; bà T đề nghị cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N Q T1 khi ly hôn. Như vậy, cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung N Q T1 khi ly hôn và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh N Q T kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung thành niên hoặc có yêu cầu mới là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

[7] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N T H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng, xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị N T H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 17 Luật Hộ tịch; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị N T H được ly hôn anh N Q T.

2/ Về con chung: Giao con chung vợ chồng là N Q T1 sinh ngày 14/6/2015 cho chị N T H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N Q T kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung thành niên hoặc khi có yêu cầu mới.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm: Chị N T H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Số tiền 300.000đ mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai ký hiệu BLTU/2023 số 00066088 ngày 21/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm – Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 – Hà Nội chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS nhân dân khu vực 5 - Hà Nội;
- VKS nhân dân thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương